

Bản án số: 146/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/9/2022

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Ngọc Ánh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Văn Phúc

Bà Võ Thị Thanh Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Như Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 310/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đinh Thị T**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp 6, xã TPĐ, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp 6, xã TPĐ, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, chị T, anh P vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đinh Thị T trình bày:*

Chị và anh P chung sống với nhau năm 2012, đến ngày 09/5/2022 chị và anh P mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú Đông. Hôn nhân do cả hai tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị và anh P bất đồng quan điểm, anh P hay chửi rủa, nghi ngờ đủ chuyện, bạo hành chị, chị không chịu đựng được nên bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân với anh P từ cuối tháng 5/2022 đến nay. Chị T nhận thấy không thể tiếp tục sống cùng anh P được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn là anh Nguyễn Văn P trình bày:*

Anh và chị T tự nguyện sống chung với nhau, ngày 09/5/2022 cả hai đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Sau kết hôn, anh chị chung sống không có hạnh phúc, luôn cãi vã do bất đồng quan

điểm, anh chị đã ly thân từ tháng 5/2022 đến nay. Nay theo yêu cầu khởi kiện của chị T, anh đồng ý với ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh đã được nhận Thông báo thụ lý vụ án số 310/TB-TLVA ngày 01/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm và tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn yêu cầu Tòa án gửi cho anh. Anh không có ý kiến gì về các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp. Anh không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng vào vụ án; không có yêu cầu xác minh gì thêm, không yêu cầu triệu tập người làm chứng, không có yêu cầu phản tố.

Do anh xác định ly hôn với chị T nên không yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện anh bận đi làm xa nên không thể đến Tòa án giải quyết vụ án được. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Anh cam kết không khiếu nại về sau.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Nguyên đơn là chị Đinh Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn với bị đơn là anh Nguyễn Văn P - cư trú tại ấp 6, xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Chị T và anh P có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh P.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đinh Thị T và anh Nguyễn Văn P tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên quan hệ hôn nhân chị T, anh P là hợp pháp, được pháp luật tôn trọng, bảo vệ. Chị T cho rằng trong thời gian chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm và đã không sống chung với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị T xin ly hôn với anh P.

Anh P đồng ý ly hôn với chị T, yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị T anh P đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh P là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh P cùng khai không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh P cùng khai không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, các điều 147, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị T. Chị Đinh Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Chị Đinh Thị T và anh Nguyễn Văn P không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đinh Thị T và anh Nguyễn Văn P khai không có tài sản chung, nợ chung.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0009039 ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- UBND xã Thạnh Phú Đông;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Phạm Ngọc Ánh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Cảnh**

**Phạm Quốc Toàn**

**Phạm Ngọc Ánh**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- UBND xã Lương Hòa;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Ngọc Ánh**